

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết công việc về điều tra, xử lý
ngộ độc thực phẩm tại bếp ăn tập thể trên địa bàn phường Bồ Đề

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BỒ ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

*Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của UBND phường
Bồ Đề về việc phân công công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân
dân phường Bồ Đề, nhiệm kỳ 2021-2026;*

*Theo đề nghị của Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Văn hóa – Xã hội
phường.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết công
việc về điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm tại bếp ăn tập thể trên địa bàn phường Bồ
Đề (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND phường, Phó Trưởng phòng phụ
trách phòng Văn hóa – Xã hội, Trưởng trạm Y tế phường, Trưởng các phòng, ban,
đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VHXX (03b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Thị Hoa

PHỤ LỤC
Quy trình nội bộ giải quyết công việc về điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm
tại bếp ăn tập thể trên địa bàn phường Bồ Đề
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND phường Bồ Đề)

1.	Mục đích		
	Kịp thời phối hợp các đơn vị liên quan điều tra, xác minh tình trạng ngộ độc thực phẩm; thực hiện các bước xử lý ngộ độc thực phẩm; kiến nghị các biện pháp khắc phục sự cố về ATTP phù hợp.		
2.	Phạm vi		
	Lãnh đạo UBND phường, Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế phường, các phòng ban đơn vị liên quan, các trường học, đơn vị, cơ quan có bếp ăn tập thể, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn phường.		
3.	Nội dung quy trình giải quyết công việc		
3.1	Căn cứ pháp lý		
	<p>1. Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 về việc ban hành “Quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm”.</p> <p>2. Quyết định số 3081/QĐ-BYT ngày 15/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế”.</p> <p>3. Quyết định 5327/2003/QĐ-BYT ngày 13 tháng 10 năm 2003 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định về lấy mẫu thực phẩm và bệnh phẩm khi xảy ra ngộ độc thực phẩm.</p> <p>4. Quyết định số 53/2025/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội Quyết định ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Các tài liệu phục vụ giải quyết công việc	Bản chính	Bản sao
	Biên bản làm việc của Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP phường		x
	Báo cáo nhanh vụ việc	x	
	Báo cáo kết luận điều tra ngộ độc thực phẩm	x	
	Biên bản kiểm tra tại cơ sở sản xuất, kinh doanh/thông báo; biên bản vi phạm hành chính (nếu có); quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có)		x
	Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm; xử lý vi phạm	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ.		

3.4	Thời gian giải quyết				
	Tổng thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc (với vụ việc có tính chất phức tạp, thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn theo kết quả của cơ quan điều tra)				
3.5	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian	Kết quả
B1	Tiếp nhận và xử lý thông tin				
-	Tiếp nhận khai báo NĐTP của cá nhân, đơn vị bị NĐTP; cơ sở điều trị, cơ quan, ban ngành,...; chuyển thông tin tới UBND phường	Phòng VH-XH	Cơ sở giáo dục, cơ quan, doanh nghiệp có BATT, căng tin ăn uống, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Tiếp nhận và chuyển ngay	Thông tin phản ánh qua điện thoại/email/văn bản
-	Tiếp nhận thông tin về ngộ độc thực phẩm trực tiếp từ các cá nhân, đơn vị đến TYT phường	TYT phường	Phòng VH-XH, các ngành đoàn thể	Tiếp nhận ngay	Sổ theo dõi tiếp nhận thông tin của cá nhân/ tổ chức qua điện thoại/email/phiếu khai báo
-	Điều tra xác minh thông tin	TYT phường	Phòng VH-XH, các ngành đoàn thể	1/2 ngày	Phiếu báo cáo và xử lý thông tin NĐTP
B2	Tổ chức các bước kiểm tra, điều tra, xử lý NĐTP				
-	Triệu tập các thành viên Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP phường (theo Quyết định thành lập của UBND phường) và các ngành liên quan tham gia kiểm tra tại nơi xảy ra NĐTP	Phòng VH-XH	TYT phường, các đơn vị liên quan	Ngay sau khi có báo cáo NĐTP/ nghi ngờ NĐTP	Đoàn kiểm tra liên ngành
-	Kiểm tra điều kiện đảm bảo ATTP tại nơi xảy ra NĐTP	Phòng VH-XH	TYT phường, các đơn vị liên quan	Trong vòng 01 ngày	Biên bản kiểm tra ATTP, Biên bản lấy mẫu
-	Thực hiện các bước điều tra NĐTP theo Quyết định 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm	TYT phường	Đơn vị xảy ra NĐTP, Phòng VH-XH, các đơn vị liên quan, cơ sở điều trị		Biên bản điều tra NĐTP tại nơi xảy ra NĐTP

-	Thống nhất kết quả kiểm tra, điều tra sau khi có kết quả kiểm tra, điều tra sơ bộ	Phòng VH-XH	TYT phường, các đơn vị liên quan		Biên bản làm việc
-	Thực hiện các biện pháp xử lý NĐTP, khắc phục hậu quả NĐTP	TYT phường; đơn vị có NĐTP	Phòng VH-XH, các đơn vị liên quan		Báo cáo
-	Báo cáo nhanh kết quả điều tra, xử lý NĐTP	Phòng VH-XH, TYT phường	Các đơn vị liên quan		Báo cáo kết quả điều tra vụ NĐTP và Báo cáo nhanh
B3	Theo dõi tình trạng sức khỏe của bệnh nhân nghi bị NĐTP	TYT phường	Phòng VH-XH, các đơn vị liên quan	Theo tình trạng thực tế của bệnh nhân	Báo cáo hàng ngày
B4	Truy xuất nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc thực phẩm				
	- Kiểm tra tại cơ sở SX, KD có thực phẩm nghi ngờ là nguyên nhân gây NĐTP (nếu hoạt động trên địa bàn phường) - Thông báo cho Chi cục ATVSTP Hà Nội và các ngành, địa phương liên quan (nếu cơ sở SX, KD ở ngoài phường)	Phòng VH-XH	TYT phường, các đơn vị liên quan	01 ngày hoặc theo quy định về xử lý VPHC (nếu có vi phạm)	Biên bản kiểm tra, Biên bản vi phạm hành chính (nếu có) hoặc Văn bản thông báo
B5	Báo cáo kết luận điều tra NĐTP	TYT phường	Phòng VH-XH	10 ngày làm việc	Báo cáo
B6	Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, xử lý NĐTP; xử lý vi phạm; Văn bản chuyển cơ quan Công an điều tra (nếu có dấu hiệu vi phạm hình sự) và thông báo công khai tới các đơn vị liên quan và người dân	Phòng VH-XH	Công an phường, TYT phường, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, các đơn vị liên quan	02 ngày làm việc	Báo cáo

	Biểu mẫu/tài liệu
1	BM.01: Phiếu báo cáo và xử lý thông tin NĐTP
2	BM.02: Biên bản kiểm tra ATTP tại nơi xảy ra NĐTP
3	BM.03: Biên bản lấy mẫu
4	BM.04: Biên bản điều tra NĐTP tại nơi xảy ra NĐTP
5	BM.05: Báo cáo kết quả điều tra vụ NĐTP

Chữ viết tắt

TT	Chữ viết thường	Chữ viết tắt
1.	An toàn thực phẩm	ATTP
2.	Ngộ độc thực phẩm	NĐTP
3.	Ủy ban nhân dân	UBND
4.	Trạm Y tế	TYT
5.	Văn hóa - Xã hội	VH-XH
6.	Sản xuất	SX
7.	Kinh doanh	KD

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRẠM Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU BÁO CÁO VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

1. Các thông tin ngộ độc đã được tiếp nhận từ:

Người khai báo thông tin NĐTP:.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

Thời gian nhận thông tin:.....

Xác nhận thông tin:

2. Báo cáo lãnh đạo thông tin vụ ngộ độc thực phẩm:

Địa chỉ xảy ra NĐTP:.....

Tổng số người bị ngộ độc..... Tổng số người ăn:.....

Số người nằm viện:.....Số người chết:.....

Thời gian phát bệnh:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc:.....

Địa điểm ăn uống:.....

Công tác xử lý ban đầu của cơ sở (nếu có):.....

3. Công tác hướng dẫn xử lý NĐTP:.....

.....

4. Kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trưởng Trạm Y tế

Bồ Đề, ngày.....tháng.....năm 2026

Người báo cáo

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
ĐOÀN KIỂM TRA LN ATTP

Số: /BBKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bồ Đề, ngày tháng năm 2026

BIÊN BẢN

Kiểm tra an toàn thực phẩm tại cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống

Thực hiện Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 202..... của UBND phường Bồ Đề về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP.

Hôm nay vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2026, Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP của UBND phường Bồ Đề tiến hành kiểm tra tại

Địa chỉ:

ĐT: Email:

I. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- | | |
|--------------|-----------------|
| 1. Đ/c..... | Trưởng đoàn |
| 2. Đ/c..... | Phó trưởng đoàn |
| 3. Đ/c..... | Thư ký |
| 4. Đ/c..... | Thành viên |
| 5. Đ/c..... | Thành viên |
| 6. Đ/c | Thành viên |
| 7. Đ/c | Thành viên |
| 8. Đ/c | Thành viên |

II. Đại diện cơ sở được kiểm tra:

- | | |
|--------|---------------|
| 1..... | Chức vụ:..... |
| 2..... | Chức vụ:..... |

III. Với sự tham gia của (nếu có):

- | | |
|--------|---------------|
| 1..... | Chức vụ:..... |
| 2..... | Chức vụ:..... |

IV. Nội dung và kết quả kiểm tra

1. Hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
(Có/Không).....

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (kiểm tra, đánh giá theo loại hình cơ sở thuộc diện cấp hoặc không thuộc diện cấp quy định tại các Điều 11, 12, 28 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

.....
 - Số người lao động:..... Trong đó: Trực tiếp: Gián tiếp:

- Kiểm tra giấy xác nhận đủ sức khỏe, Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của các đối tượng theo quy định.

.....
 - Các nội dung khác:.....

.....

2. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm:

TT	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt	Ghi chú
2. 1	Bếp ăn được bố trí bảo đảm không nhiễm chéo giữa thực phẩm chưa qua chế biến và thực phẩm đã qua chế biến			
2. 2	Có đủ nước đạt quy chuẩn kỹ thuật phục vụ việc chế biến, kinh doanh			
2. 3	Có dụng cụ thu gom, chứa đựng rác thải, chất thải đảm bảo vệ sinh			
2. 4	Cống rãnh ở khu vực cửa hàng, nhà bếp phải thông thoát, không ứ đọng và được che kín			
2. 5	Nhà ăn phải thoáng, mát, đủ ánh sáng, duy trì chế độ vệ sinh sạch sẽ, có biện pháp để ngăn ngừa côn trùng và động vật gây hại			
2. 6	Có thiết bị bảo quản thực phẩm, nhà vệ sinh, rửa tay và thu dọn chất thải, rác thải hàng ngày sạch sẽ			
2. 7	Có dụng cụ, đồ chứa đựng riêng cho thực phẩm sống và thực phẩm chín			
2. 8	Dụng cụ nấu nướng, chế biến phải đảm bảo an toàn vệ sinh			
2. 9	Dụng cụ ăn uống phải được làm bằng vật liệu an toàn, rửa sạch, giữ khô			

2.10	Sử dụng thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm phải rõ nguồn gốc và đảm bảo an toàn			
2.11	Thực phẩm phải được chế biến bảo đảm an toàn, hợp vệ sinh			
2.12	Thực phẩm bày bán phải để trong tủ kính hoặc thiết bị bảo quản hợp vệ sinh, chống được bụi, mưa, nắng và sự xâm nhập của côn trùng, động vật gây hại, được bày bán trên bàn hoặc giá cao hơn mặt đất.			
2.13	Thực hiện kiểm thực 03 bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế			
2.14	Thiết bị, phương tiện vận chuyển, bảo quản thực phẩm phải được bảo đảm vệ sinh và không gây ô nhiễm cho thực phẩm			
2.15	Các nội dung khác:			

3. Kiểm tra, đánh giá các nội dung khác:

.....

.....

.....

4. Lấy mẫu để kiểm nghiệm:

.....

.....

V. Nhận xét, kiến nghị và xử lý

1. Các nội dung cơ sở đã chấp hành:

.....

.....

2. Các nội dung tồn tại, vi phạm:

.....

.....

3. Kiến nghị của Đoàn kiểm tra đối với cơ sở:

.....

.....

VI. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra

.....

 Biên bản kiểm tra được lập xong hồi.....giờ.....ngày.....thángnăm.....; biên bản đã được đọc lại cho những người tham gia kiểm tra và đại diện cơ sở được kiểm tra cùng nghe, công nhận nội dung ghi trong biên bản là đúng và ký tên. Biên bản được lập thành 03 bản có nội dung và có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho cơ sở được kiểm tra, 02 bản Đoàn kiểm tra lưu giữ./

<Trường hợp đại diện cơ sở không ký biên bản kiểm tra>

Lý do ông (bà).....là đại diện cơ sở không ký biên bản kiểm tra:.....

Đại diện cơ sở được kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên), đóng dấu (nếu có)

Trưởng đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Các thành viên tham gia kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(Ký, ghi rõ họ tên), (nếu có)

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
ĐOÀN KIỂM TRA LN ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BBLM

Bồ Đề, ngày tháng năm 2026

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Thực hiện Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../...../..... của UBND phường Bồ Đề về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành An toàn thực phẩm (gọi tắt là Đoàn kiểm tra).

Tên cơ sở được lấy mẫu:

Địa điểm lấy mẫu:

Người lấy mẫu: (họ tên, chức vụ và đơn vị):

Phương pháp lấy mẫu:

Đại diện cơ sở lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ):

Mẫu lấy gồm 03 phần (01 phần để kiểm nghiệm; 01 phần lưu tại cơ quan kiểm tra; 01 phần để lưu tại cơ sở được kiểm tra).....

.....

Stt	Tên mẫu, ký hiệu, số lô, ngày sản xuất, hạn sử dụng	Tên cơ sở và địa chỉ nhà sản xuất/ nhập khẩu ghi trên nhãn	Số lượng lô hàng khai báo	Lượng mẫu	Quy cách niêm phong mẫu	Tình trạng mẫu

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, đoàn kiểm tra giữ lại 01 bản, Cơ sở giữ 01 bản.

Đại diện cơ sở
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người lấy mẫu
(ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng đoàn kiểm tra
(ký, ghi rõ họ tên)

Nước thải (hở hay kín):.....cách nơi chế biến thức ăn bao nhiêu mét:.....mét

Tình trạng côn trùng (nhặng, ruồi, gián, chuột):.....

Thời tiết: Nhiệt độ:.....⁰C; Độ ẩm:.....%; Nắng/Mưa:.....; không khí:.....

3. Điều tra về dụng cụ trang thiết bị:.....

.....

.....

.....

4. Điều tra nguồn gốc, tình hình chế biến thực phẩm (theo bước 7 trong quy chế Điều tra NDTP):

TT	Thực đơn	Dạng chế biến (<i>sống, chín, đông lạnh, để tủ lạnh, đun nóng, không đun nóng</i>)	Thời gian chế biến (ngày, giờ)	- Nguồn gốc - Tên cơ sở, chủ cơ sở cung ứng
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
....				

Đồ uống, trái cây, khác:

Tên thực phẩm	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ	NSX, HSD	Dạng đóng gói	Có sử dụng đá cùng đồ uống

Thức ăn nghi ngờ gây ngộ độc, lý do (có mùi vị lạ, màu sắc lạ...)

.....

5. Điều tra vệ sinh người chế biến, phục vụ bữa ăn (theo bước 8 của quy chế điều tra NDTP):

TT	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Địa chỉ	Tiền sử bệnh tật	Bệnh tật hiện tại	Có/không KSK	Tập huấn kiến thức ATTP	Trang bị BHLĐ
	Tổng								

6. Công tác lấy mẫu phục vụ điều tra ngộ độc:

.....

7. Điều tra dịch bệnh (bước 11):

Các dịch bệnh đang lưu hành ở người:.....

Các dịch bệnh đang lưu hành ở súc vật, gia cầm.....

Tình hình ô nhiễm môi trường:.....

III/ Kiến nghị của Tổ điều tra:

.....

IV/ Ý kiến cơ sở:

.....

Biên bản kết thúc vào lúc..... cùng ngày và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, cơ sở giữ 01 bản, tổ điều tra giữ 01 bản.

Bò Đè, ngày....tháng.....năm 2026

Đại diện cơ sở

Tổ trưởng tổ điều tra

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRẠM Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bồ Đề, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả điều tra vụ ngộ độc thực phẩm

Thực hiện Quyết định 39/2006/QĐ-BYT ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm.

Trạm Y tế phường Bồ Đề báo cáo kết quả điều tra vụ ngộ độc thực phẩm tại
.....như sau:

Kết quả ban đầu ghi nhận:

- Thời gian xảy ra ngộ độc:
- Địa điểm xảy ra vụ ngộ độc:
- Địa chỉ:
- Hoàn cảnh xảy ra ngộ độc:
- Tổng số người bị NĐ/Tổng số người ăn:/.....người.
- Thời gian bắt đầu ăn bữa cuối cùng:
- Ngày giờ xuất hiện ca bệnh đầu tiên:

Diễn biến vụ NĐTP:

II. Kết quả điều tra ngộ thực phẩm

A – Kết quả điều tra tại các cơ sở điều trị ghi nhận:

B - Thời gian khởi phát các triệu chứng:

C – Các bước điều tra theo quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm (11 bước):

- Bước 1. Điều tra cá thể bị ngộ độc thực phẩm (NĐTP)
- Bước 2. Điều tra những người đã ăn X và bữa ăn Y không bị NĐTP.
- Bước 3. Điều tra các thức ăn đã ăn, người ăn và thời gian ăn:
- Bước 4. Điều tra những thức ăn, số người ăn và không ăn bị NĐTP và không bị NĐTP ở bữa ăn X và bữa ăn Y: (Theo mẫu điều tra số 4).
- Bước 5. Điều tra bữa ăn nguyên nhân:
- Bước 6. Điều tra thức ăn nguyên nhân trong bữa ăn nguyên nhân

Bước 7. Điều tra nguồn gốc, tình hình chế biến thực phẩm:

Bước 8. Điều tra tiền sử bệnh tật những người chế biến nấu nướng, phục vụ ăn uống:

Bước 9. Kết quả xét nghiệm mẫu thức ăn:

Bước 10. Điều tra cơ sở

Bước 11. Điều tra điều kiện môi trường và dịch bệnh ở địa phương.

III. Tổng hợp kết quả điều tra ngộ độc thực phẩm:

1. Cơ sở nguyên nhân:

2. Bữa ăn nguyên nhân:

3. Thức ăn nguyên nhân:.....

4. Kết luận:

IV. Kiến nghị và hướng xử lý tiếp theo:

Nơi nhận:

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)